

## THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI LỢN TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH Ở HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH

Nguyễn Văn Pho<sup>1\*</sup>, Phạm Văn Hùng<sup>2</sup>, Nguyễn Thị Thu Huyền<sup>2</sup>, Ninh Xuân Trung<sup>2</sup>,  
Nguyễn Thị Tuyết<sup>1</sup>, Trần Thanh Hà<sup>1</sup>, Vũ Thị Khánh Toàn<sup>1</sup>, Tạ Thị Thùy<sup>3</sup>

<sup>1</sup>*Ban Quản lý đào tạo, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

<sup>2</sup>*Khoa Kinh tế, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

<sup>3</sup>*Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam*

\*Tác giả liên hệ: [nvpho@vnua.edu.vn](mailto:nvpho@vnua.edu.vn)

Ngày nhận bài: 01.03.2021

Ngày chấp nhận đăng: 28.05.2021

### TÓM TẮT

Bài báo mô tả thực trạng chăn nuôi lợn trong bối cảnh dịch bệnh ở huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phân tổ và so sánh. Kết quả nghiên cứu cho thấy chăn nuôi lợn ở huyện Yên Phong tồn tại 3 hình thức cơ bản: chăn nuôi trong hộ, gia trại và trang trại. Các hộ chăn nuôi theo quy trình thông thường trong khu dân cư, một số gia trại và trang trại chăn nuôi ngoài khu dân cư, trong đó có 3 trang trại áp dụng quy trình chăn nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh. Các hình thức liên kết chính thức có hợp đồng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi lợn chưa phát triển; mới chỉ có các liên kết ngang không chính thức nhằm trao đổi kiến thức về kỹ thuật chăn nuôi, phòng trừ dịch bệnh. Nghiên cứu đã đề xuất 4 giải pháp nhằm phát triển chăn nuôi lợn của huyện Yên Phong trong thời gian tới.

Từ khoá: Chăn nuôi lợn, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, dịch bệnh.

### Pig Production in the Context of Disease Outbreaks in Yen Phong District, Bac Ninh Province

### ABSTRACT

The paper presents the situation of pig production in the context of disease outbreaks in Yen Phong district, Bac Ninh province. Descriptive statistics, classification and comparison methods were utilized. Pig production in Yen Phong district was organized at various scales from households, family farms to large farms. Most households applied a traditional production procedure in the residential area. There were several family and large farms producing pigs outside the residential area where three large farms applied production procedures to control animal diseases. Formal linkages with contracts in pig production and marketing of pig products were not developed yet; only informal, horizontal linkages were available among pig farmers to exchange knowledge related to farming practices and disease control. The study proposed four solutions to develop pig production in Yen Phong district in the future.

Keywords: Pig production, production and marketing, disease.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, chăn nuôi lợn đóng góp khoảng 74-80% tổng sản lượng thịt và tạo ra khoảng 14% thu nhập hộ gia đình, các cơ sở chăn nuôi nhỏ sản xuất khoảng 80% tổng sản lượng lợn hơi (Lapar & Tiengco, 2011). Tương tự, chăn

nuôi lợn ở Bắc Ninh cũng đóng vai trò rất quan trọng và tỉnh đã xác định lợn là một trong những vật nuôi chủ lực. Tuy nhiên, số lượng cơ sở chăn nuôi lợn ở Bắc Ninh lớn nhưng quy mô sản xuất lại khá nhỏ.

Một trong những hạn chế quan trọng nhất đối với chăn nuôi lợn, đặc biệt đối với chăn nuôi

quy mô nhỏ là dịch bệnh. Dịch bệnh ở lợn xảy ra thường xuyên, với các bệnh phổ biến như lở mồm long móng, hội chứng hô hấp và sinh sản ở lợn, bệnh sốt lợn cổ điển và bệnh cúm lợn (Bộ NN&PTNT, 2013; Nguyễn Thị Dương Nga & cs., 2013). Dịch tả lợn châu Phi (ASF) lần đầu tiên được phát hiện tại Việt Nam vào tháng 2/2019 và đã lan rộng ra tất cả 63 tỉnh thành. ASF ở Việt Nam đã làm số lợn chết và phải tiêu hủy khoảng 5,9 triệu con, tương đương với khoảng 22% tổng đàn lợn (Bộ NN&PTNT, 2019). Đây là nguyên nhân đẩy giá lợn lên mức cao kỷ lục vào cuối năm 2019 và đầu năm 2020. Tuy nhiên, giá lợn hơi cao có thể sẽ khuyến khích người chăn nuôi lợn tái đàn hoặc thậm chí mở rộng đàn mà không áp dụng các biện pháp an toàn sinh học (ATSH) phù hợp. Trong bối cảnh các cơ sở chăn nuôi lợn quy mô nhỏ chiếm chủ yếu, đây sẽ là một thách thức để đảm bảo thực hiện đúng các biện pháp ASTH. Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cũng không nằm ngoài thực trạng trên.

Bên cạnh đó, vấn đề an toàn thực phẩm (ATTP) liên quan đến dịch bệnh trên lợn ngày càng trở thành mối quan tâm của đa số người tiêu dùng Việt Nam. Có khoảng 50% số người tiêu dùng thành thị ngừng tiêu thụ thịt lợn trong thời gian có dịch bệnh hoặc chuyển tiêu dùng sang các sản phẩm thay thế thịt khác như thịt gia cầm hoặc cá (Lapar & Tiongeo, 2011). Cũng có ý kiến cho rằng dư lượng kháng sinh trong thịt lợn là một trong những mối quan tâm lớn của người tiêu dùng khi tiêu thụ thịt lợn (Nguyễn Thị Thu Huyền & cs., 2016).

Vì vậy, để nâng cao tính cạnh tranh với các sản phẩm thịt nhập khẩu và đáp ứng nhu cầu ATTP của người tiêu dùng Việt Nam, người chăn nuôi lợn cần chú trọng hơn nữa đến việc sản xuất các sản phẩm thịt lợn không tồn dư hóa chất, giảm thiểu dịch bệnh xảy ra để hạn chế sử dụng thuốc kháng sinh trong chăn nuôi lợn. Xuất phát từ thực tiễn trên, bài báo có mục tiêu mô tả thực trạng chăn nuôi lợn, phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp phát triển chăn nuôi lợn của huyện Yên Phong trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng đồng thời cả dữ liệu thứ cấp và sơ cấp. Dữ liệu thứ cấp gồm các báo cáo về tình hình chăn nuôi của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Ninh, huyện Yên Phong và các báo cáo khoa học có liên quan đến sản xuất sản phẩm chăn nuôi lợn. Tại thời điểm nghiên cứu trên địa bàn huyện Yên Phong có 12 trang trại và 20 gia trại chăn nuôi lợn, toàn bộ các trang trại và 16 gia trại đã được điều tra (04 gia trại không muốn tiếp xúc và gặp gỡ người ngoài do lo ngại dịch bệnh xảy ra với lợn). Ngoài ra, 75 hộ chăn nuôi quy mô nhỏ cũng được điều tra thu thập dữ liệu. Dựa trên số liệu thực tế, các cơ sở chăn nuôi được chia thành hai nhóm là nhóm 1 chăn nuôi theo quy mô nông hộ và nhóm 2 chăn nuôi theo quy mô gia trại và trang trại. Các phương pháp nghiên cứu cơ bản được sử dụng gồm thống kê mô tả, phân tổ, so sánh và phương pháp hạch toán.

**Bảng 1. Tình hình dịch bệnh của các cơ sở chăn nuôi lợn\***

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ	Trang trại và gia trại	Tính chung
Tổng số lợn của các hộ điều tra	con	2655	2697	5352
Tổng số lợn bị bệnh	con	645	437	1082
Tỉ lệ lợn bị bệnh	%	24,29	16,20	20,22
Tỉ lệ lợn thịt bị bệnh theo lứa tuổi				
Lợn dưới 2 tháng tuổi	%	13,63	8,57	11,08
Lợn từ 2 - 4 tháng tuổi	%	8,70	6,41	7,55
Lợn từ 4 tháng tuổi đến bán thịt	%	1,96	0,96	1,46

Ghi chú: \*: Không tính dịch tả lợn châu Phi.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Dịch bệnh trong chăn nuôi lợn ở huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

So sánh giữa hai nhóm hộ thì ở các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ lẻ có tỉ lệ lợn bị bệnh nhiều hơn, chiếm khoảng 24,3% trong tổng đàn. Trong khi con số này ở nhóm cơ sở chăn nuôi quy mô lớn chỉ khoảng 16,2% (Bảng 1). Đối với lợn thịt thì nếu so sánh giữa các lứa tuổi khác nhau, giai đoạn lợn dưới 2 tháng tuổi thường xảy ra dịch bệnh nhiều hơn. Tuy nhiên, ở lứa tuổi này lợn hay bị bệnh tiêu chảy, phân trắng và tỉ lệ chữa khỏi tương đối cao.

Đầu năm 2019, trên địa bàn huyện có 7 hộ bị dịch lở mồm long móng ở lợn với 110 con bị tiêu hủy, tương đương với 6,1 tấn lợn. Ngoài ra, ASF xuất hiện trên địa bàn huyện Yên Phong từ tháng 3/2019 và đến hết năm 2019, dịch đã lan rộng ra 14 xã/phường với tổng số lợn bị mắc là 14.948 con, khối lượng tiêu hủy là hơn 861 tấn (Sở NN&PTNT tỉnh Bắc Ninh, 2019). Năm 2020, ASF vẫn xảy ra ở một số xã phường nhưng số lượng lợn bị bệnh ít hơn nhiều.

Để kiểm soát bệnh ASF tái phát và lây lan diện rộng, UBND huyện giao cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, phối hợp với các ngành liên quan, các xã, thị trấn chủ động triển khai giám sát dịch bệnh trên đàn lợn, nhất là tại các khu vực đã từng có dịch bệnh xuất hiện, khu vực có nguy cơ cao để phát hiện sớm, kịp thời xử lý dứt điểm ngay khi phát hiện lợn mắc bệnh, nghi mắc bệnh. Hướng dẫn người dân kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định, chỉ tái đàn khi đảm bảo các điều kiện về con

giống, chuồng trại, quy trình chăn nuôi, tiêu độc khử trùng... Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp không khai báo dịch bệnh, bán chạy, giết mổ, vứt xác lợn bệnh, nghi mắc bệnh ra môi trường; báo cáo kịp thời, đầy đủ về tình hình dịch bệnh từ cấp thôn đến cấp xã, huyện theo đúng quy định của Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Dịch tả lợn châu Phi hiện tại chưa có thuốc phòng bệnh. Tuy nhiên, các loại bệnh khác như lở mồm long móng, dịch tả, tụ huyết trùng, tai xanh, thương hàn... đã có thuốc phòng. Do đó, nhiều cơ sở chăn nuôi lợn là thực hiện tiêm phòng để ngăn chặn việc xảy ra các loại bệnh trên đối với lợn (Bảng 2). Nhìn chung, nhóm hộ chăn nuôi quy mô lớn có tỉ lệ tiêm phòng vắc xin cao hơn so với nhóm hộ quy mô nhỏ.

#### 3.2. Thực trạng sản xuất chăn nuôi lợn trong bối cảnh dịch bệnh ở huyện Yên Phong

##### 3.2.1. Các hình thức sản xuất trong chăn nuôi lợn

Hiện nay, do ảnh hưởng của ASF từ đầu năm 2019, nhiều hộ chăn nuôi nhỏ đã bỏ chăn nuôi lợn do lợn bị chết, tiêu hủy và không tái đàn trở lại. Kèm theo đó là chính sách khuyến khích chăn nuôi lợn quy mô lớn, tập trung để kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh môi trường của tỉnh nên số hộ nhỏ lẻ chăn nuôi lợn có xu hướng giảm, số gia trại và trang trại chăn nuôi lợn có xu hướng tăng lên. Tính đến tháng 10/2020, trên địa bàn huyện Yên Phong có 988 hộ chăn nuôi lợn, 12 trang trại và 20 gia trại chăn nuôi lợn với tổng đàn là 20.766 con.

**Bảng 2. Tình hình tiêm vắc xin phòng bệnh của các cơ sở chăn nuôi lợn**  
(% số hộ/trang trại, gia trại)

Chỉ tiêu	Hộ	Trang trại và gia trại
Lở mồm long móng	30,67	100,00
Dịch tả	77,33	85,71
Tụ huyết trùng	57,33	96,43
Tai xanh	28,00	92,86
Suyễn	52,00	82,14
<i>E. coli</i>	56,00	85,71
Phó thương hàn	52,00	100,00
Lepto	18,67	82,14

**Bảng 3. Số lượng các hình thức sản xuất trong chăn nuôi lợn của huyện Yên Phong giai đoạn 2018-2020**

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng			TĐPT BQ (%)
		2018	2019	10/2020	
Số trang trại chăn nuôi lợn	Trang trại	9	10	12	115,47
Số lượng gia trại chăn nuôi lợn	Gia trại	15	18	20	115,47
Số lượng hộ chăn nuôi lợn	Hộ	2345	1104	988	64,91
Tổng đàn lợn	Con	57166	24633	20766	60,27

*Nguồn: Phòng Thống kê huyện Yên Phong (2020), Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Ninh (2020).*

### 3.2.2. Nguồn lực đầu tư cho chăn nuôi lợn của các cơ sở

- Nguồn lực đất đai:

Các cơ sở chăn nuôi quy mô nhỏ/nông hộ thường chăn nuôi trong khu dân cư (chiếm hơn 97% số hộ), chủ yếu chăn nuôi trên đất vườn nhà, với diện tích đất dành cho chăn nuôi nhỏ, trung bình khoảng 88m<sup>2</sup>/hộ và diện tích chuồng trại khoảng 20-30m<sup>2</sup> tương đương với khoảng 2-3 ô chuồng. Các gia trại/trang trại thường chăn nuôi ngoài khu dân cư và diện tích dành cho chăn nuôi rộng hơn, trung bình khoảng 246 m<sup>2</sup>/cơ sở (Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Ninh, 2020).

- Nguồn lực lao động:

Lao động phục vụ chăn nuôi của các cơ sở chăn nuôi tại huyện Yên Phong tương đối giống nhau, số lao động bình quân một gia đình dao động từ 2-3 người và đều tham gia chăn nuôi lợn. Mỗi gia đình thường có một lao động chịu trách nhiệm chính trong chăn nuôi lợn, những lao động khác chỉ phụ giúp các việc như cho lợn ăn và vệ sinh chuồng trại chăn nuôi. Đối với các trang trại thường có lao động kỹ thuật và thực hiện việc khử trùng, vệ sinh vào buổi sáng, làm việc cả ngày trong khu chuồng lợn. Khi ASF xảy ra, chủ trang trại yêu cầu lao động kỹ thuật phải khử trùng, vệ sinh sau khi làm việc xong ở mỗi ô chuồng. Độ tuổi trung bình của các chủ hộ trên khoảng 49-50 tuổi, nên việc thay đổi hình thức tổ chức sản xuất sẽ khó hơn do đã vào độ tuổi ngại thay đổi, ngại áp dụng kỹ thuật chăn nuôi mới.

- Nguồn lực về vốn và tài sản phục vụ chăn nuôi lợn:

Vốn đầu tư trung bình cho chăn nuôi lợn của các hộ nhỏ lẻ khoảng 60 triệu đồng/hộ, trong đó có tới khoảng 77% là vốn tự có của hộ. Chăn nuôi lợn khác với các loại hình chăn nuôi khác là đầu tư vốn cho con giống và thức ăn rất cao, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh, 1 con lợn giống có thời điểm có giá từ 3-3,5 triệu đồng/con. Do vậy, các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn hơn thì số vốn cũng cần nhiều hơn, trung bình hơn 310 triệu đồng/cơ sở. Nhiều cơ sở chăn nuôi lợn quy mô lớn phải đi vay ngân hàng, tỉ lệ vốn vay chiếm đến 60% tổng số vốn của các cơ sở này, trong khi các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chủ yếu là vay tư nhân.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị chính đầu tư cho chăn nuôi lợn gồm có chuồng trại, hệ thống sưởi, làm mát, ánh sáng và hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi như biogas. Tổng mức đầu tư bình quân của các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ là hơn 45 triệu đồng/hộ, các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn là gần 170 triệu đồng/cơ sở. Trong đó, đầu tư chuồng trại chiếm phần lớn với hơn 65% tổng mức đầu tư của hộ và hơn 82% tổng mức đầu tư của các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn.

Trong bối cảnh dịch bệnh, các cơ sở chăn nuôi đều đã tăng cường đầu tư thêm các vật dụng để phòng tránh dịch bệnh như bạt để quây kín các khu chuồng trại, làm khu vực sát khuẩn ở trước khu vực chăn nuôi. Máng cho lợn ăn được thiết kế lại, độc lập từng ô chuồng, không để cả dãy chuồng vì có nguy cơ lây bệnh lợn giữa các ô chuồng. Vách ngăn giữa các ô chuồng được xây cao hơn để tránh sự tiếp xúc giữa các ô chuồng.

**Bảng 4. Nguồn lực lao động của các hình thức sản xuất trong chăn nuôi lợn ở Yên Phong**

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ	Trang trại
Tuổi bình quân chủ hộ	năm	50,08	49,32
Số nhân khẩu bình quân	người	4,52	4,00
Số lao động hiện có BQ	người	2,97	2,82
Kinh nghiệm chăn nuôi lợn	năm	7,24	6,21
Số năm đi học	năm	8,23	8,25

**Bảng 5. Nguồn vốn dành cho chăn nuôi lợn của các hình thức sản xuất**

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ	Trang trại
Tổng vốn đầu tư	triệu đồng	59,16	316,65
Vốn tự có	%	77,12	39,85
Vốn đi vay	%	22,88	60,15
Vay ngân hàng	%	33,50	19,95
Vay tư nhân	%	52,61	9,62
Vay từ nguồn khác	%	13,89	70,43

**Bảng 6. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cho chăn nuôi lợn của các hình thức sản xuất**

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ	Trang trại
Tổng mức đầu tư cơ sở vật chất	Triệu đồng	45,97	168,50
Xây chuồng trại	%	65,34	82,81
Hệ thống sưởi	%	6,87	4,34
Hệ thống làm mát	%	5,02	2,33
Hệ thống ánh sáng	%	4,44	2,71
Hệ thống vệ sinh và xử lý chất thải	%	18,33	7,81

### 3.2.3. Quy trình chăn nuôi lợn của các hộ trang trại và gia trại

#### a. Các quy trình chăn nuôi lợn đang áp dụng

Do dịch bệnh trên đàn lợn xảy ra thường xuyên, khó kiểm soát và yêu cầu về vệ sinh ATTP đối với thịt lợn của người tiêu dùng, việc áp dụng các quy trình chăn nuôi tiên tiến ngày càng trở lên cấp bách. Khi được hỏi về các quy trình chăn nuôi tiên tiến hiện nay, chủ các cơ sở chăn nuôi lợn cho biết họ đã từng nghe đến chăn nuôi lợn VietGAHP, đảm bảo ATSH hay an toàn dịch bệnh (ATDB), chăn nuôi lợn thảo dược và sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi. Các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn có hiểu biết về các quy trình chăn nuôi tiên tiến tốt hơn các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, thể hiện bằng tỉ lệ số hộ/cơ sở biết về các quy trình chăn nuôi (Bảng 7).

Mặc dù có biết về các quy trình chăn nuôi tiên tiến nhưng các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ ở huyện Yên Phong hiện nay đều mới chỉ áp dụng quy trình chăn nuôi thông thường, truyền thống. Đối với các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn thì có gần 18% số cơ sở chăn nuôi theo VietGAHP nhưng chưa được chứng nhận là cơ sở chăn nuôi VietGAHP, hơn 10% cơ sở chăn nuôi áp dụng quy trình chăn nuôi ASTH và gần 4% cơ sở chăn nuôi lợn thảo dược. Tuy quy trình chăn nuôi không khác nhiều so với trước đây, nhưng việc thực hành trong chăn nuôi lợn đã khác nhiều so với trước đây như thay đổi về biện pháp khử trùng và phòng bệnh cho đàn lợn nuôi thì các cơ sở chăn nuôi cũng có những thay đổi về thực hành trong chăn nuôi để phòng trừ ASF như: không nuôi gối lứa, không cho ăn chung giữa các ô chuồng, xây dựng các vách ngăn giữa các ô chuồng...

**Bảng 7. Sự hiểu biết của các cơ sở về quy trình chăn nuôi lợn tại huyện Yên Phong**  
(% số hộ/trang trại, gia trại)

Chỉ tiêu	Hộ (n = 75)	Trang trại và gia trại (n = 28)
<b>Biết các quy trình chăn nuôi</b>		
Nghe nói đến quy trình chăn nuôi VietGAHP	42,67	100,00
Nghe nói đến quy trình chăn nuôi lợn ATSH, ATDB	17,33	67,86
Chăn nuôi lợn thảo dược	4,00	32,14
Sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi	17,33	53,57
<b>Các quy trình chăn nuôi lợn đang áp dụng</b>		
Chăn nuôi theo quy trình VietGAHP*	0,00	17,86
Chăn nuôi theo quy trình đảm bảo ATDB	0,00	10,71
Chăn nuôi lợn thảo dược	0,00	3,57
Chăn nuôi lợn theo truyền thống	100,00	67,86

Chi chú: \*: Các trang trại chăn nuôi theo quy trình VietGAHP tự phát, chưa có giấy chứng nhận.

Trong quá trình phỏng vấn, một số chủ cơ sở chăn nuôi cho rằng “Trước kia nhằm hạn chế dịch bệnh (khi chưa có ASF), chúng tôi thường khử trùng chuồng và khu chuồng 15 ngày/lần. Nhưng từ khi có ASF, chúng tôi đã tiến hành khử trùng bên ngoài khu chuồng nuôi là 1 lần/tuần, khử trùng bắt buộc trong những lần ra vào chuồng lợn, khử trùng trong chuồng trại 2 lần/tuần và tuyệt đối không có người lạ vào thăm chuồng lợn”.

Hiện tại ở huyện Yên Phong cũng như tỉnh Bắc Ninh chưa có vùng ATDB, mới chỉ có các cơ sở chăn nuôi đảm bảo hoặc đạt chứng nhận ATDB. Riêng đối với các trang trại thì có 9 trang trại áp dụng quy trình chăn nuôi thông thường và 3 trang trại áp dụng quy trình chăn nuôi đảm bảo ATDB đều là các trang trại sản xuất lợn giống. Các cơ sở này ban đầu được vận động đăng kí và họ được hỗ trợ kinh phí xét nghiệm lần đầu về dịch bệnh, kháng thể, kiểm tra nước uống, kiểm tra nước thải, điều kiện chuồng trại với chi phí khoảng 10-13 triệu đồng/cơ sở. Theo quy định trước đây, thời gian phải đăng kí xét nghiệm định kỳ là 3 năm/lần và hiện tại là 5 năm/lần. Ngoài ra, hàng năm Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Ninh có giám sát, lấy mẫu đột xuất để kiểm tra và nếu phát hiện sai phạm có thể rút giấy chứng nhận. Một trong những lợi ích của việc có giấy chứng nhận trên là nếu trong thời kì có dịch bệnh thì các cơ sở chăn nuôi này vẫn được

xuất bán lợn ra các tỉnh thành khác các cơ sở chăn nuôi không có giấy chứng nhận cơ sở chăn nuôi đảm bảo ATDB không được xuất bán lợn ra ngoài tỉnh (nội bất xuất, ngoại bất nhập). Điều này, các hộ chăn nuôi nhỏ chưa thấy được lợi ích như trên do họ chủ yếu bán lợn cho tiêu dùng trong nội bộ tỉnh. Ngoài ra, để chăn nuôi và đăng kí cấp giấy chăn nuôi lợn đảm bảo ATDB còn mất các chi phí xét nghiệm. Do vậy, chưa khuyến khích các hộ chăn nuôi nhỏ đăng kí và thực hiện quy trình ATDB nên số lượng các cơ sở chăn nuôi đảm bảo ATDB của huyện Yên Phong từ năm 2017 đến nay không thay đổi (3 trang trại).

#### *b. Sử dụng giống trong chăn nuôi lợn*

Lợn giống trong các cơ sở chăn nuôi có từ nhiều nguồn bao gồm tự sản xuất, mua từ các hộ nông dân khác, mua từ các trang trại chăn nuôi lớn trong vùng hoặc mua của thương lái. Đối với các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ thì có gần 44% số lợn giống là tự sản xuất, 33,6% là mua của thương lái, còn lại là mua của các hộ nông dân khác hoặc các trang trại trong vùng. Đối với các cơ sở chăn nuôi lớn thì chủ yếu là họ tự sản xuất con giống (chiếm tới gần 77%), chỉ một số trường hợp thiếu ít thì họ mua của các hộ nông dân hoặc các trang trại trong vùng. Việc tự sản xuất con giống có vai trò rất quan trọng, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh, vì mua con giống từ nơi khác sẽ khó kiểm soát việc tiêm vắc xin

phòng bệnh và có nguy cơ lây lan dịch bệnh trong quá trình di chuyển. Ngoài ra, sau đợt bùng phát ASF, giá lợn giống rất cao (3,5 triệu đồng/con) nên không phải cơ sở chăn nuôi nào cũng có đủ điều kiện mua lợn giống tái đàn

### c. Sử dụng thức ăn

Hầu hết các cơ sở chăn nuôi lợn ở huyện Yên Phong đều sử dụng cám công nghiệp, các trang trại và gia trại chủ yếu sử dụng cám công nghiệp ăn thẳng (chiếm gần 93% số cơ sở chăn nuôi). Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ thì chỉ có 42,7% là sử dụng cám ăn thẳng. Các hộ còn lại phối trộn cám công nghiệp đậm đặc với các nguyên liệu thức ăn khác và có một số ít hộ không sử dụng cám công nghiệp mà phối trộn các sản phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho lợn. Ưu điểm của việc sử dụng cám công nghiệp là tiết kiệm được lao động và năng suất chăn nuôi cao hơn nhưng đầu tư lớn hơn và một số cơ sở chăn nuôi cho rằng lợn nuôi công nghiệp hoàn toàn thì khả năng chống chịu bệnh tật kém hơn.

### d. Chăm sóc và phòng trừ dịch bệnh

Các cơ sở chăn nuôi lợn thường sử dụng vắc xin phòng các loại bệnh như lở mồm long móng, dịch tả, tụ huyết trùng, tai xanh, suyễn, *E. coli*, phó thương hàn và leptơ. Tỷ lệ các trang trại và gia trại sử dụng vắc xin phòng bệnh cho lợn cao hơn nhiều so với các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ. Đặc biệt có những bệnh được các cơ sở chăn nuôi

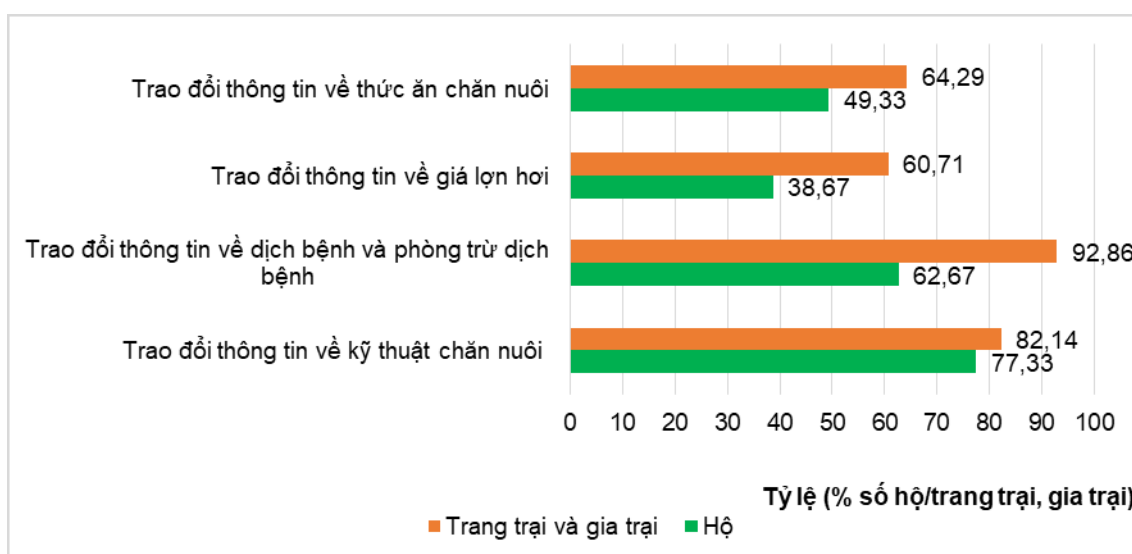
quy mô lớn áp dụng vắc xin 100% như bệnh lở mồm long móng và phó thương hàn.

Khi có dịch bệnh xảy ra, các cơ sở chăn nuôi có những ứng xử khác nhau như không cho người ngoài vào thăm chuồng, tăng cường vệ sinh và khử trùng chuồng trại, không mua con giống từ bên ngoài, quây bạt kín chuồng. Đây là những biện pháp phòng bệnh rất tốt nhằm hạn chế lây lan dịch bệnh. Những cơ sở chăn nuôi lớn thường áp dụng triệt để hơn nhất là khâu vệ sinh, khử trùng chuồng trại và tránh sự tiếp xúc với nguồn lây ngoài từ khách thăm quan hoặc con giống. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những ứng xử mang tính chất rủi ro như bán lợn ngay hoặc lạm dụng thuốc kháng sinh để phòng, trị bệnh cho lợn.

### 3.2.4. Liên kết chăn nuôi trong bối cảnh dịch bệnh

#### a. Liên kết giữa các cơ sở chăn nuôi lợn

Các cơ sở chăn nuôi lợn có liên kết với nhau trong việc trao đổi thông tin, hiểu biết về thức ăn chăn nuôi (TĂCN), về giá cả lợn hơi, về dịch bệnh và cách phòng trừ dịch bệnh và kỹ thuật chăn nuôi. Đây là những thông tin và kiến thức rất hữu ích, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh xảy ra thường xuyên, khó kiểm soát, chưa có vắc xin ASF và giá lợn hơi biến động mạnh. Tỷ lệ các cơ sở chăn nuôi có trao đổi thông tin, kiến thức tương đối cao, nhất là các cơ sở chăn nuôi lớn (Hình 1).



Hình 1. Trao đổi thông tin giữa các cơ sở chăn nuôi lợn huyện Yên Phong

**Bảng 8. Đánh giá của các cơ sở chăn nuôi lợn về lợi ích của liên kết ngang**  
(% số hộ/trang trại, gia trại)

Diễn giải	Hộ (n = 75)	Trang trại và gia trại (n = 28)
Cùng nhau mua vật tư đầu vào	30,67	53,57
Hỗ trợ kỹ thuật chăn nuôi	41,33	67,86
Cùng nhau bán sản phẩm để ổn định đầu ra	50,67	64,29
Nhận được các hỗ trợ từ bên ngoài	30,67	75,00
Áp dụng các quy trình sản xuất mới	17,33	67,86

Những người chăn nuôi cho rằng khi tham gia vào liên kết ngang họ sẽ cùng nhau mua được vật tư đầu vào giá rẻ hơn để giảm giá thành chăn nuôi, hỗ trợ nhau về kỹ thuật chăn nuôi, áp dụng được các quy trình sản xuất mới. Tham gia liên kết, họ cũng mong muốn cùng nhau bán sản phẩm để có thể ổn định được đầu ra và nhận được các hỗ trợ từ bên ngoài, nhất là các hỗ trợ về phát triển chăn nuôi của tỉnh Bắc Ninh (Bảng 8).

*b. Liên kết giữa người chăn nuôi lợn với các tác nhân cung cấp đầu vào, đầu ra*

Liên kết giữa người chăn nuôi lợn với các tác nhân cung cấp đầu vào và đầu ra ở huyện Yên Phong còn ít và lỏng lẻo. Hầu hết các cơ sở chăn nuôi khi đi mua đầu vào hoặc bán sản phẩm đầu ra chỉ thỏa thuận về giá, số lượng và chất lượng sản phẩm lúc phát sinh hoạt động mua bán, hầu như không có việc thỏa thuận trước (Bảng 9).

Khi bán lợn, các cơ sở chăn nuôi tham khảo giá từ nhiều nguồn như người chăn nuôi khác, ti vi, đài báo, người mua, ngoài chợ và internet. Trong đó, thông tin từ người chăn nuôi khác là quan trọng nhất và được nhiều cơ sở chăn nuôi tham khảo nhiều nhất.

Sản phẩm chăn nuôi lợn được bán cho các đối tượng như người giết mổ tại địa phương, thương lái mang lợn đi huyện hoặc tỉnh khác và đối tượng khác. Tuy nhiên, ở huyện Yên Phong, phần lớn các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ bán lợn cho các hộ giết mổ tại địa phương, chiếm hơn 66% số lượng lợn. Đối với các cơ sở chăn nuôi lợn quy mô lớn là các gia trại và trang trại thì hơn một nửa số lợn (hơn 57%) được bán cho thương lái mang đi nơi khác, số lợn còn lại cũng chủ yếu bán cho các hộ giết mổ tại địa phương.

**3.2.5. Kết quả và hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi lợn ở huyện Yên Phong**

Do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhất là ASF nên giá giống lợn trong thời gian vừa qua tương đối cao, làm cho giá thành chăn nuôi cũng cao. Chi phí thức ăn cũng cao hơn so với những năm trước nên để nuôi được 100kg lợn hơi, chi phí trung gian trung bình các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ hết khoảng 5,58 triệu đồng và các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn mất khoảng 5,24 triệu đồng.

Cũng do ảnh hưởng của ASF nên giá lợn hơi có thời điểm lên đến hơn 100 nghìn đồng/kg. Tuy nhiên, tại thời điểm điều tra, giá lợn hơi đã xuống và tính bình quân của các cơ sở bán lợn ở nhiều thời điểm nên giá đầu ra trung bình khoảng 66-69 nghìn đồng/kg. Trung bình với 100kg lợn hơi, thu nhập hỗn hợp mà người chăn nuôi nhận được là khoảng từ 800-1.300 nghìn đồng. Cùng với quy mô chăn nuôi trung bình khoảng 35 con/hộ và 96 con/trang trại hoặc gia trại thì giá trị sản xuất, giá trị gia tăng và thu nhập hỗn hợp của các cơ sở chăn nuôi là khá lớn (Bảng 10). Tuy nhiên, chi phí trung gian trong chăn nuôi lợn là rất lớn, cùng với chăn nuôi lợn hiện nay đang tiềm ẩn rất rủi ro, nếu bị tái phát ASF thì người chăn nuôi sẽ thiệt hại rất lớn.

**3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất trong chăn nuôi lợn trong bối cảnh dịch bệnh ở huyện Yên Phong**

**3.2.1. Chủ trương, chính sách của tỉnh Bắc Ninh**

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025,



định hướng đến năm 2030. Theo đó, tỉnh đã quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung. Huyện Yên Phong có xã Văn Môn nằm trong vùng quy hoạch chăn nuôi lợn tập trung. Tỉnh cũng ban hành chính sách giảm bớt chăn nuôi lợn nhỏ lẻ, chăn nuôi nông hộ phân tán trong khu dân cư để chuyển dần sang các khu chăn nuôi tập trung, chăn nuôi gia trại, trang trại quy mô lớn và xa khu dân cư. Tuy nhiên, các chính sách này vẫn chưa thực sự đi vào cuộc sống, tình

trạng chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán trong nông hộ vẫn còn rất lớn. Đây là một tồn tại rất lớn đối với tổ chức sản xuất trong chăn nuôi lợn khi dịch bệnh bùng phát thì rất khó kiểm soát. Thực tế đã chứng minh khi dịch bệnh bùng phát thì các cơ sở chăn nuôi lợn quy mô lớn, tập trung thì rất dễ khoanh vùng khống chế và dập dịch, còn đối với các cơ sở chăn nuôi lợn nhỏ lẻ, phân tán thì việc kiểm soát, khoanh vùng và dập dịch gặp rất nhiều khó khăn.

**Bảng 9. Liên kết của các cơ sở chăn nuôi lợn với các tác nhân ở huyện Yên Phong**

Diễn giải	Hộ (n = 75)		Trang trại và gia trại (n = 28)	
	Số lượng (hộ)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (cơ sở)	Tỉ lệ (%)
<b>Nhà cung cấp giống</b>				
Lúc mua mới thỏa thuận	58	77,33	6	21,43
Thỏa thuận trước	17	22,67	22	78,57
<b>Nhà cung cấp thuốc thú y</b>				
Lúc mua mới thỏa thuận	71	94,67	9	32,14
Thỏa thuận trước	4	5,33	19	67,86
<b>Nhà cung cấp TĂCN</b>				
Lúc mua mới thỏa thuận	64	85,33	10	35,71
Thỏa thuận trước	11	14,67	18	64,29
<b>Người thu mua sản phẩm</b>				
Lúc mua mới thỏa thuận	70	93,33	17	60,71
Thỏa thuận trước	5	6,67	11	39,29

**Bảng 10. Kết quả và hiệu quả sản xuất lợn thịt của các cơ sở chăn nuôi**

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ (n = 75)	Trang trại và gia trại (n = 28)
<b>Tính bình quân 100kg thịt lợn hơi</b>			
Tổng giá trị sản xuất (GO)	nghìn đồng	6652,00	6833,93
Chi phí trung gian (IC)	nghìn đồng	5581,24	5242,34
Giá trị gia tăng (VA)	nghìn đồng	1070,76	1591,59
Thu nhập hỗn hợp (MI)	nghìn đồng	831,27	1292,67
GO/IC	lần	1,19	1,30
VA/IC	lần	0,19	0,30
MI/IC	lần	0,15	0,25
<b>Tính bình quân 1 cơ sở</b>			
Tổng số lợn nuôi	con	35,40	96,32
Tổng khối lượng xuất chuồng	kg	3785	10218
Giá trị sản xuất	triệu đồng	251,78	698,29
Chi phí trung gian	triệu đồng	211,25	535,66
Giá trị gia tăng	triệu đồng	40,53	162,63
Thu nhập hỗn hợp	triệu đồng	31,46	132,09

### 3.2.2. Trình độ, năng lực, hiểu biết người chăn nuôi

Các cơ sở chăn nuôi ít được tập huấn về chăn nuôi lợn. Cho đến năm 2020, số lần tham gia tập huấn bình quân hộ chỉ đạt từ 0,49 lượt người/hộ đối với hộ chăn nuôi lợn quy mô nhỏ và 1,39 lượt người/cơ sở đối với cơ sở chăn nuôi lợn quy mô lớn (Bảng 11). Nội dung tập huấn chính mà các hộ tham gia là về kỹ thuật phòng chữa bệnh cho lợn. Nhiều hộ đã từng tham dự tập huấn cho rằng họ chỉ áp dụng được ít hoặc rất khó áp dụng được các kiến thức đã được tập huấn, mặc dù kỹ thuật chăn nuôi rất quan trọng để phòng ngừa dịch bệnh và nâng cao an toàn vệ sinh thực phẩm đối với thịt lợn.

Tỉ lệ hộ chăn nuôi lợn quy mô nhỏ đã nghe về chất tạo nạc còn ít (chiếm 28%), đối với nhóm cơ sở chăn nuôi quy mô lớn trang trại, gia trại thì cao hơn rất nhiều, chiếm đến 75% (Bảng 12). Theo các hộ thì tác hại của chất tạo nạc gây rối loạn tiêu hóa, ung thư và ngộ độc kim loại nặng. Tương tự như chất tạo nạc, các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ nghe về kháng sinh trong TĂCN cũng thấp hơn nhiều so với các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn. Tuy nhiên, đối với thuốc kháng sinh thì có loại cấm sử dụng và có loại không cấm sử dụng trong chăn nuôi. Vấn đề chính là các hộ cần sử dụng đúng loại thuốc kháng sinh để chữa bệnh cho lợn. Thực tế vẫn còn có những hộ trộn kháng sinh vào TĂCN với mục đích là phòng bệnh cho lợn.

Những thay đổi chủ yếu trong thực hành chăn nuôi lợn để phòng trừ ASF của cơ sở chăn

nuôi lợn ở huyện Yên Phong gồm: (1) Không nuôi gối, không nuôi nhiều tuổi lợn cùng lúc. Các cơ sở chăn nuôi bán hết lợn mới vào lợn mới; (2) Máng cám cho lợn ăn theo dây chuyên độc lập từng ô chuồng, không để cả dây chuồng để lây bệnh cho lợn; (3) Vách ngăn giữa các ô chuồng được xây cao hơn để tránh sự tiếp xúc giữa các ô chuồng; (4) Mật độ lợn trong một ô chuồng giảm một nửa (ví dụ giảm từ 15-20 con/ô chuồng, xuống còn 7-10 con/ô chuồng); (5) Trước kia khi bán lợn, người mua được vào tận chuồng xem lợn và được mua mổ dần. Bây giờ chỉ được xem lợn qua video và khi mua phải mua hết lợn ở trong ô chuồng; (6) Trước kia khi mua lợn, thương lái không yêu cầu giấy tờ, giờ họ yêu cầu phải có giấy chứng nhận lợn không bị bệnh; (7) Trước đây, mỗi cán bộ kỹ thuật phụ trách 1 vài ô chuồng, làm hết ô chuồng này sang ô chuồng khác. Hiện nay phải làm quy trình sát khuẩn từ đầu cho từng ô chuồng. Sát khuẩn xong 30 phút sau, công nhân mới được vào chuồng.

### 3.2.3. Cơ cấu tổ chức của hệ thống thú y địa phương tại huyện Yên Phong

Từ ngày 01/10/2018, thực hiện theo quy định mới, Trạm Thú y, Trạm Bảo vệ thực vật và Trung tâm Khuyến nông cấp huyện được sáp nhập vào làm một, gọi là Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp. Có nhiều ý kiến cho rằng so với thời kỳ trước, việc chỉ đạo thực hiện không được nhanh gọn do phải chỉ đạo qua UBND huyện và cán bộ được cử đi thực hiện nhiệm vụ có người đúng chuyên môn nghiệp vụ, có người không đúng chuyên môn nghiệp vụ.

**Bảng 11. Tình hình tham gia tập huấn về chăn nuôi lợn của các hộ, trang trại, gia trại ở huyện Yên Phong**

Diễn giải	ĐVT	Hộ (n = 75)	Trang trại và gia trại (n = 28)
Số lần tham gia tập huấn BQ/hộ, cơ sở	lượt người	0,49	1,39
Chủ đề tập huấn chính (% số hộ, trang trại, gia trại đã tham gia tập huấn)			
Phòng bệnh chữa bệnh	%	77,33	96,43
Sử dụng TĂCN	%	42,67	71,43
Kỹ thuật chăn nuôi	%	65,33	82,14
Khác	%	18,67	28,57
Khả năng áp dụng kiến thức tập huấn trong chăn nuôi lợn (% số hộ, trang trại, gia trại đã tham gia tập huấn)			
Áp dụng nhiều	%	13,33	32,14
Áp dụng ít	%	25,33	57,15
Không áp dụng	%	61,34	10,71

**Bảng 12. Hiểu biết của người chăn nuôi lợn ở huyện Yên Phong về các chất cấm không được sử dụng trong chăn nuôi lợn (% số hộ/trang trại, gia trại)**

Diễn giải	Hộ (n = 75)	Trang trại và gia trại (n = 28)
Tỉ lệ hộ đã nghe về chất tạo nạc	28,00	75,00
Biết về tác hại của chất tạo nạc	78,26	61,90
Rối loạn tiêu hóa	33,33	61,54
Có thể gây ung thư	27,78	30,77
Ngộ độc kim loại nặng	27,78	38,46
Khác	22,22	7,69
Tỉ lệ hộ đã nghe về chất kháng sinh trong TĂCN	28,00	71,43
Biết về tác hại của chất kháng sinh	76,19	85,00
Gây ngộ độc	50,00	76,47
Có thể gây ung thư	31,25	88,24
Khác	50,00	29,41
Tỉ lệ hộ có trộn kháng sinh vào TĂCN	2,67	28,57
Mục đích sử dụng kháng sinh:		
Phòng bệnh cho lợn	100	100

Ngoài ra, theo cơ cấu tổ chức mới, tại các xã không còn thú y thôn hay cộng tác viên thú y. Đây được đánh giá là một khó khăn lớn cho việc thực hiện nhiệm vụ đối với nhân viên thú y xã.

### 3.3. Giải pháp phát triển chăn nuôi lợn trong bối cảnh dịch bệnh ở Yên Phong

*Thứ nhất*, huyện Yên Phong cần hỗ trợ cơ sở chăn nuôi áp dụng các điều kiện chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi để kiểm soát dịch bệnh và đưa chăn nuôi ra ngoài khu vực dân cư. Giải pháp này dựa trên căn cứ là hiện nay vẫn còn rất nhiều các hộ chăn nuôi lợn nhỏ, lẻ trong khu dân cư và các hộ đều chưa áp dụng các quy trình chăn nuôi đảm bảo ATDB. Ngoài ra, đây cũng là chủ trương và định hướng phát triển chăn nuôi nói chung và chăn nuôi lợn nói riêng của tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

*Thứ hai*, cần tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người chăn nuôi về phòng trừ dịch bệnh và thực hành chăn nuôi trong bối cảnh dịch bệnh mới. Kết quả nghiên cứu cho thấy số

lần được tham gia tập huấn bình quân/hộ rất thấp và cũng chỉ tập trung vào việc phòng chữa bệnh. Do đó, trong thời gian tới, tỉnh Bắc Ninh và huyện Yên Phong cần chú trọng tiếp tục mở các lớp tập huấn về chăn nuôi lợn. Chủ đề tập huấn cũng cần được đa dạng hơn từ các khâu chọn giống, chăm sóc, cho ăn và phòng trị bệnh. Huyện Yên Phong có thể ký hợp đồng với đài truyền thanh của huyện để phát chuyên đề riêng về tình hình dịch bệnh và phòng ngừa dịch bệnh trong chăn nuôi nói chung và chăn nuôi lợn nói riêng.

*Thứ ba*, hình thành các mối liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để tạo thành các chuỗi giá trị thịt lợn an toàn. Để phát triển chăn nuôi lợn theo hướng giảm dịch bệnh và đảm bảo ATTP, người chăn nuôi phải có động lực, nhất là động lực kinh tế, đó là cần phân biệt được sản phẩm chăn nuôi theo tiêu chuẩn ATTP và sản phẩm chăn nuôi thông thường. Từ đó có thể tăng được giá bán đầu ra của sản phẩm chăn nuôi theo tiêu chuẩn ATTP, tạo động lực thúc đẩy người chăn nuôi. Thực tế, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra có một tỉ lệ tương đối lớn người chăn nuôi mong muốn sản xuất thịt lợn đảm bảo ATTP và mong muốn tham gia vào các chuỗi giá trị thịt lợn an toàn.

*Thứ tư*, kiện toàn lại đội ngũ cán bộ thú y cơ sở. Tỉnh và huyện cần rà soát lại đội ngũ thú y viên cơ sở, đánh giá kết quả và hiệu quả làm việc của đội ngũ này, sau quá trình sáp nhập thành Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, từ đó có những biện pháp thích hợp nâng cao kết quả hoạt động của đội ngũ thú y viên cơ sở trong kiểm soát dịch bệnh đối với chăn nuôi lợn.

#### 4. KẾT LUẬN

Hiện tại chăn nuôi lợn ở huyện Yên Phong tồn tại cả chăn nuôi quy mô nhỏ/nông hộ và chăn nuôi quy mô lớn trang trại và gia trại. Với 100% các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ áp dụng quy trình chăn nuôi thông thường, truyền thống và chăn nuôi trong khu dân cư. Một số trang trại, gia trại chăn nuôi ngoài khu dân cư và có 3 trang trại nuôi lợn giống áp dụng quy trình chăn nuôi đảm bảo ATDB.

Ở Yên Phong chưa hình thành các liên kết chính thức (có hợp đồng) trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lợn. Các cơ sở chăn nuôi lợn có liên kết ngang phi chính thức chủ yếu nhằm trao đổi thông tin, kiến thức về TÁC�N, tình hình dịch bệnh, phòng trừ dịch bệnh, kỹ thuật chăn nuôi và giá cả. Hầu như chưa có liên kết dọc (liên kết theo chuỗi), các thỏa thuận giữa người chăn nuôi với người cung ứng đầu vào và mua sản phẩm đầu ra chỉ phát sinh khi có nhu cầu mua bán.

Các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi lợn gồm chủ trương, chính sách của tỉnh Bắc Ninh, trình độ, năng lực, hiểu biết của người chăn nuôi và cơ cấu tổ chức của hệ thống thú y địa phương tại huyện Yên Phong.

Để phát triển chăn nuôi lợn của huyện Yên Phong trong thời gian tới, nghiên cứu đã đề xuất 4 nhóm giải pháp chủ yếu gồm: Áp dụng các

điều kiện chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi để kiểm soát dịch bệnh, Nâng cao nhận thức của người chăn nuôi về phòng trừ dịch bệnh trong bối cảnh dịch bệnh mới, Phát triển các chuỗi giá trị thịt lợn an toàn và Kiện toàn đội ngũ cán bộ thú y cơ sở.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ NN&PTNT (2013). Báo cáo kết quả hoạt động khuyến nông giai đoạn 1993-2013 và chiến lược phát triển hệ thống khuyến nông Việt Nam đến năm 2020. Báo cáo chuẩn bị cho Hội nghị tổng kết 20 hoạt động khuyến nông Việt Nam.
- Bộ NN&PTNT (2019). Báo cáo Tổng kết công tác năm 2019 và triển khai kế hoạch công tác năm 2020 của Cục Thú y.
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bắc Ninh (2020). Số liệu thống kê đàn lợn và các hình thức tổ chức chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2019.
- Lapar M.L.A. & Tiongco M.M. (2011). Private standards in pork value chains: role, impact and potential for local innovation to improve food safety and enhance smallholder competitiveness, Farm Policy Journal. Spring 2011. A private future for food and fibre quality, Australian Farm Institute. 8(3): 39-53, ISSN: 1449-2210
- Nguyen Thi Duong Nga, Ninh H.N., Hung P.V. & Lapar L.M. (2013). The pig value chain in Vietnam: A situational analysis report. ILRI (Research Report). Nairobi, Kenya: ILRI.
- Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Văn Hùng & Ninh Xuân Trung (2016). Các yếu tố ảnh hưởng đến nguy cơ xảy ra dịch bệnh trong chăn nuôi lợn ở tỉnh Hưng Yên. Tạp chí Kinh tế và Phát triển. 229(2): 53-59.
- Phòng Thống kê huyện Yên Phong (2020). Số liệu thống kê ngành chăn nuôi của huyện đến năm 2020.
- Sở NN&PTNT tỉnh Bắc Ninh (2019). Báo cáo Công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi năm 2019 đặc biệt là bệnh dịch tả lợn châu Phi tháng 12 năm 2019.